

Họ và tên (MSSV):

THỰC TẬP SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG 2

1.

2.

Ngày học:

BÀI 1: MÔ VÀ CƠ QUAN THỰC VẬT

Ca học: Tiểu nhóm:

BÀI TƯỜNG TRÌNH (NHÓM)

Hướng dẫn:

- Trước khi đến lớp, sinh viên đọc kỹ giáo trình và phần 1, phần 2 của bài tường trình.
- Tại lớp, sinh viên nghe giảng và quan sát mẫu để hoàn thành phần 3 và phần 4.
- **BÀI LÀM DÙNG BÚT CHÌ BẮM HB, KHÔNG VIẾT TẮT.**

PHẦN 1: MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Phân biệt được *rễ non* và *thân non* của cây *hai lá mầm*.
- Nhận diện được các *mô cơ bản* của rễ non và thân non của cây *hai lá mầm*.

PHẦN 2: Trang 2.

PHẦN 3: ĐẶC ĐIỂM NHẬN DIỆN CƠ QUAN – THÂN VÀ RỄ

Nêu đặc tính chính của THÂN và RỄ cây hai lá mầm (Tham khảo giáo trình để trả lời)

	MẪU QUAN SÁT 1	MẪU QUAN SÁT 2
Đặc tính chính (giúp kết luận mẫu quan sát là cơ quan gì của thực vật)	- Bó chuyên hoá - Đối xứng qua một trục - Bó libe và bó mạch lên nhau ⇒ Kết luận: THÂN	- Bó chuyên hoá - Đối xứng qua một trục - Bó libe và bó mạch trên một vòng tròn ⇒ Kết luận: RỄ
Đặc tính phụ (kết hợp cùng đặc tính riêng để đưa ra kết luận về cơ cấu của mẫu quan sát)	SẼ HỌC Ở MÔN THỰC VẬT HỌC (NĂM 2)	
Đặc tính riêng (giúp đưa ra kết luận về cơ cấu của mẫu quan sát)		

PHẦN 2 (tiếp theo): ĐẶC ĐIỂM NHẬN DIỆN MÔ CƠ BẢN

Loại mô	Mô che chở sơ cấp		Mô nâng đỡ		Mô dinh dưỡng	Mô dẫn truyền		Mô phân sinh thứ cấp
Tên mô	Biểu bì	Căn bì	Giao mô	Cương mô	Nhu mô	Mô mộc I	Mô libe I	Vùng phân sinh libe mộc
1. Vị trí	ngoài cùng	ngoài cùng	dưới biểu bì	biểu bì đến tuỷ	dưới biểu bì/ căn bì	trụ trung tâm	trụ trung tâm	giữa mô mộc và libe
2. Màu sắc vách	hồng nhạt	hồng nhạt	hồng đậm	xanh/ tím	hồng nhạt	xanh	hồng đậm	hồng nhạt
3. Độ dày vách	mỏng	mỏng	dày	dày	mỏng	dày	hơi dày	rất mỏng
4. Cách sắp xếp TB	1 lớp tế bào	1 lớp tế bào	lộn xộn	lộn xộn	lộn xôn/ thẳng hàng	hướng tâm/ ly tâm	lộn xộn	thẳng hàng xuyên tâm
5. Hình dạng TB	ĐGKDCN	ĐGKDCN	ĐGKDCN	ĐGKDCN	ĐGKDCN/ ĐGDCN	ĐGKDCN	ĐGKDCN	ĐGDCN
6. Thành phần	- biểu bì có cutin - khẩu - lông che chở và lông tiết	- căn bì - lông hút do căn bì kéo dài - căn mạc	giao mô	cương mô	nhu mô	- tiền mộc - hậu mộc	- ống sàng - tế bào kèm	nhu mô đặc có khả năng phân chia

Chú thích:

TB: tế bào

ĐGKDCN: đa giác không dạng chữ nhật

ĐGDCN: đa giác dạng chữ nhật

PHẦN 4: QUAN SÁT, VẼ CHI TIẾT VÀ CHÚ THÍCH MÔ THỰC VẬT (10 điểm)

- Mỗi loại mô chỉ vẽ 5-7 tế bào đại diện.
- Khi vẽ cần tuân thủ luật phân giác, tô vách tế bào đúng với từng loại mô tương ứng.
- Những lỗi cần tránh: ngã tư, tế bào dạng tổ ong/ vảy cá/ xếp ngói, dùng thước vẽ cạnh tế bào, vẽ nhiều nét.

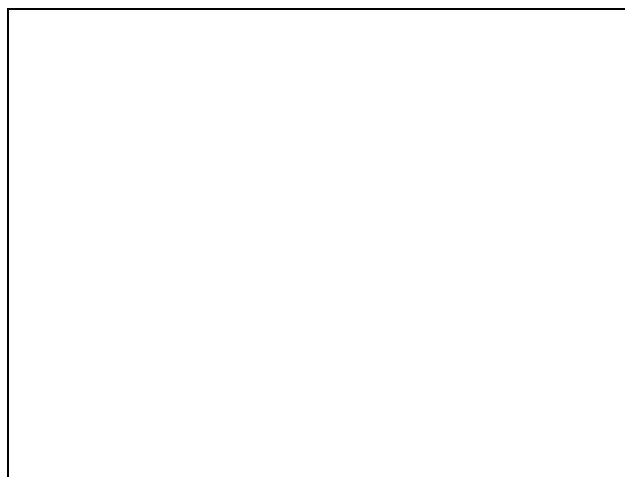
PHẦN 4 (tiếp theo):

Chọn **2** loại mô trong số các loại mô **sơ cấp** đã học tại lớp, gồm mô che chở - biểu bì, mô dinh dưỡng - nhu mô đặc/ đạo/ khuyết, mô nâng đỡ - giao mô góc/ tròn/ phiến). Nêu **6 đặc điểm** để nhận diện 2 loại mô này (xem phần 2 phía trên), **vẽ hình, chú thích** (nếu có) và ghi rõ tên loại mô bên dưới hình. VD: mô nâng đỡ - giao mô góc.

Đặc điểm nhận diện mô:

- 1.....
- 2.....
- 3.....
- 4.....
- 5.....
- 6.....

Vẽ hình



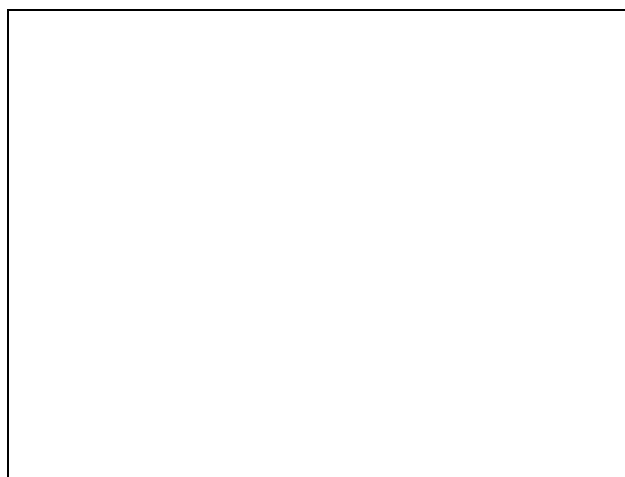
Tên mô:

.....

Đặc điểm nhận diện mô:

- 1.....
- 2.....
- 3.....
- 4.....
- 5.....
- 6.....

Vẽ hình



Tên mô:

.....